

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/DS-PT

Ngày: 13 - 8 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đại Long

Ông Lê Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2025/TLPT-DS ngày 02/6/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST, ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thanh Hóa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2025/QĐ-PT, ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Anh T - sinh năm 1959, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố F, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Q, tỉnh Thanh Hóa).

*** Bị đơn:** Ông Vi Văn P - sinh năm 1962, vắng mặt.

Bà Dương Thị N - sinh năm 1965, có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường Đ, khu phố C, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Q, tỉnh Thanh Hóa).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Bà Dương Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2024, các văn bản bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:*

Ngày 21/5/2016 vợ chồng ông P, bà N có vay của ông số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), đã hơn 8 năm cộng cả lãi là 44.000.000đ. Trong hai năm qua, vợ chồng ông P, bà N chỉ trả cho ông có 2.000.000đ, ông đề nghị mỗi tháng trả 1.000.000đ gốc bà N đồng ý nhưng không thực hiện.

Nay ông đề nghị Toà án buộc vợ chồng ông Vi Văn P, bà Dương Thị N phải trả lại số tiền trên. Số tiền tính lãi 1,5%/tháng cộng gốc và lãi là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi là 14.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Dương Thị N trình bày:*

Ngày 21/5/2016, vợ chồng bà có vay của ông T số tiền 30.000.000đ, bà là người viết giấy vay, trong giấy vay không thoả thuận thời hạn trả nợ, không thoả thuận mức lãi suất vay. Tuy nhiên, hai bên có thoả thuận miệng là 2%/tháng. Quá trình vay, vợ chồng bà đã trả cho ông T số tiền gốc, cụ thể ngày 14/9/2017 trả 10.000.000đ, ngày 14/3/2020 trả 2.000.000đ. Đối với tiền lãi, vợ chồng bà đã trả hết cho ông T đến năm 2022. Từ tháng 01 năm 2023 đến nay, do khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả cho ông T.

Ngày 07/4/2024, ông T và vợ chồng bà thống nhất tính đến ngày 07/4/2024, vợ chồng bà còn nợ ông T số tiền nợ gốc và lãi là 37.900.000đ và gia hạn trả nợ thêm là 03 năm tính từ ngày 07/4/2024, mỗi tháng trả cho 1.000.000đ (một triệu đồng). Tính đến nay thì vợ chồng bà đã trả cho ông T được 2.000.000đ (hai triệu đồng), cụ thể ngày 07/4/2024 trả 1.000.000đ, ngày 30/6/2024 trả 1.000.000đ.

Do vợ chồng bà đang khó khăn nên chưa trả tiền đều cho ông T nhưng ông T lại khởi kiện vợ chồng bà ra Toà án để đòi nợ trong khi thời hạn trả nợ chưa hết. Nên vợ chồng bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST, ngày 28/4/2025 của Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Thanh Hoá) đã quyết định:*

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điều 6, Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội và điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T.

Buộc ông Vi Văn P, bà Dương Thị N phải liên đới thanh toán (trả nợ) cho ông Nguyễn Anh T số tiền nợ gốc là 18.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử 28/4/2025 là: 5.527.452đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 23.527.452 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn đề nghị Thi hành án, nếu ông P, bà N không thanh toán số tiền trên thì kể từ ngày nhận đơn đề nghị thi hành án hàng tháng ông P, bà N phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy

định tương ứng với số tiền gốc (18.000.000đ) chậm trả và thời gian chưa thi hành án (Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông T đối với số tiền 20.472.548 đ (hai mươi triệu, bốn trăm, bảy mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

** Ngày 09/5/2025, nguyên đơn là ông Nguyễn Anh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc ông Vi Văn P, bà Dương Thị N phải trả nợ cho ông Nguyễn Anh T số tiền 37.900.000đ, không yêu cầu lãi suất.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nếu không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn thì vẫn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Ông T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông P, bà N phải trả cho ông số tiền nợ là 37.900.000đ và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 21/5/2016, vợ chồng bà Dương Thị N, ông Vi Văn P Phấn có vay của ông Nguyễn Anh T số tiền 30.000.000đ, có Giấy vay tiền (BL 37).

Theo bà N, từ khi vay đến nay, vợ chồng bà N đã trả cho ông T số tiền gốc là 12.000.000đ (cụ thể ngày 14/9/2017 trả 10.000.000đ, ngày 14/3/2020 trả 2.000.000đ). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận đã nhận số tiền 12.000.000đ trên. Tuy nhiên, ông T cho rằng vợ chồng bà N còn nợ ông T 20.000.000 đồng vay trước đó nhưng ông T không có chứng cứ về khoản tiền

vay 20.000.000 đồng này. Do đó, khẳng định vợ chồng bà N còn nợ ông T số tiền gốc là 18.000.000 đồng.

[2.2] Về số tiền lãi:

Tại giấy vay tiền đề ngày 21/5/2016 không thể hiện lãi suất vay, hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng. Các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông P, bà N đã trả lãi đến hết năm 2022, từ tháng 01/2023 đến nay các bên thỏa thuận lại lãi suất vay là 1,5%/tháng và vợ chồng ông P, bà N đã trả cho ông T 2.000.000đ tiền lãi; cụ thể ngày 07/4/2024 trả 1.000.000đ, ngày 30/6/2024 trả 1.000.000đ (BL 35).

Với mức lãi suất 1,5%/tháng = 18%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận.

Số tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/4/2025 là $18.000.000đ \times 1,5\%/tháng$ (từ 01/01/2023 đến 28/4/2025 là 848 ngày) : 365 = 7.527.452đ.

Ông P, bà N đã trả tiền lãi cho ông T 2.000.000đ nên số tiền lãi còn lại là $7.527.452đ - 2.000.000đ = 5.527.452đ$.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi vợ chồng bà N phải trả cho ông T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 23.527.452đ (trong đó nợ gốc 18.000.000đ, nợ lãi 5.527.452đ).

Từ phân tích tại các mục [2.1] và [2.2] trên, ông T đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông P, bà N phải trả cho ông số tiền nợ là 37.900.000đ và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này là không có căn cứ. Mặt khác, tại Giấy đề ngày 07/4/2024 (BL 35) là do ông T viết, không có chữ ký của ông P, bà N; bà N không thừa nhận Giấy chốt nợ trên. Do đó, ông T yêu cầu vợ chồng bà N trả số tiền nợ 37.900.000đ là không có cơ sở chấp nhận nên không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3] Về lời tuyên:

Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên: *Khi án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn đề nghị Thi hành án, nếu ông P, bà N không thanh toán số tiền trên thì kể từ ngày nhận đơn đề nghị thi hành án hàng tháng ông P, bà N phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc (18.000.000đ) chậm trả và thời gian chưa thi hành án (Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự).*

Cấp sơ thẩm tuyên như trên là không đúng, cần sửa lại lời tuyên như sau: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu thi hành án; nếu ông P, bà N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng ông P, bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Anh T không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí DSPT. căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc: Buộc ông Vi Văn P, bà Dương Thị N phải trả nợ cho ông Nguyễn Anh T số tiền 37.900.000đ, không yêu cầu lãi suất. Giữ nguyên quyết định bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thanh Hoá).

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điều 6, Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội và điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T.

Buộc ông Vi Văn P, bà Dương Thị N phải liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Anh T số tiền 23.527.452 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng); trong đó tiền gốc là 18.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử 28/4/2025 là 5.527.452đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T đối với số tiền 20.472.548 đ (hai mươi triệu, bốn trăm, bảy mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu thi hành án; nếu ông P, bà N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng ông P, bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí DSPT.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND khu vực 6 - Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 6 - Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

